

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

KHOA NGÔN NGỮ ANH



TIỂU LUẬN MÔN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đề tài: Nghiên cứu tiếng lóng (Slang) của học sinh, sinh viên trên mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Giảng viên hướng dẫn: Nguyễn Thị Uyên

Sinh viên thực hiện: Nguyễn Thị Trinh

Lớp: TA24.05

Mã sinh viên: 19141628

A. MỞ ĐẦU.....	3
1. Lý do chọn đề tài.....	3
2. Mục đích nghiên cứu.....	4
3. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu.....	5
B. NỘI DUNG.....	7
I. Cơ sở lý luận của đề tài.....	7
1.1 Khái niệm tiếng "lóng".....	7
1.2 Nguồn gốc của tiếng "lóng".....	8
1.3 Một số đặc điểm và quá trình phát triển của tiếng "lóng".....	11
1.4 Tiểu kết.....	13
II. Đặc điểm tiếng "lóng" của giới trẻ trên mạng xã hội.....	14
2.1 Đặc điểm cấu tạo.....	14
2.2 Đặc điểm ngữ nghĩa.....	15
2.3 Một số giải pháp khắc phục.....	15
2.4 Tiểu kết.....	16

C. KẾT LUẬN.....	18
-------------------------	-----------

D. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	19
-----------------------------------	-----------

A. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp trọng yếu nhất của con người. Trong quá trình hội nhập thế giới, sự biến đổi và giao thoa văn hóa xã hội đòi hỏi ngôn ngữ phải có những thay đổi để đáp ứng các nhu cầu giao tiếp mới. Vì thế khi nước ta trong bối cảnh bắt đầu hội nhập và phát triển như hiện nay, tiếng Việt đang có biến đổi sâu sắc trên nhiều phương diện, ngôn ngữ cũng dần xuất hiện những hiện tượng mới mẻ. Những từ ngữ mới, cách diễn đạt mới được hình thành để thêm vào những khái niệm, ngữ nghĩa mà trong vốn tiếng Việt trước đây còn thiếu vắng. Ngôn ngữ của giới trẻ trong tiếng Việt như là một luồng gió mới với không ít các cách nói, cách viết “khác lạ” làm xáo động đời sống tiếng Việt đương đại, tạo ra nhiều luồng dư luận khen chê trái chiều.

Đây là vấn đề đã thu hút sự quan tâm, trăn trở của nhiều người đặt ra nhiệm vụ đối với người nghiên cứu là phải kịp thời nắm bắt và nghiên cứu những xu hướng phát triển mới của ngôn ngữ. Hơn nữa, xuất phát từ tình yêu tiếng Việt, quan tâm tới vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và đặc biệt là sự hứng thú với lĩnh vực ngôn ngữ học xã hội, cùng những lí do trên, tôi đã quyết định

chọn đề tài nghiên cứu "Tiếng lóng (slang) của học sinh, sinh viên trong tiếng Việt hiện nay" trên cơ sở thực tiễn đó tiến hành rút ra thực trạng, đặc điểm, cơ chế hình thành, ý nghĩa về mặt lí luận và thực tiễn của đề tài này. Đây là một trong những nhiệm vụ cấp thiết trong nghiên cứu và giáo dục ngôn ngữ trong bối cảnh hiện nay nhằm góp phần vào công cuộc chuẩn hóa và giáo dục ngôn ngữ trong giai đoạn mới.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu "Tiếng lóng (slang) của học sinh, sinh viên trong tiếng Việt hiện nay" nhằm góp phần bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt cũng như thực tiễn nghiên cứu tiếng Việt hiện nay trên hai phương diện:

- Về phương diện lý luận: góp phần làm rõ hơn cách nhìn đối với tiếng lóng và các đặc trưng của từ lóng trong tiếng Việt của học sinh, sinh viên hiện nay trong bối cảnh toàn cầu hóa và tác động của đời sống truyền thông công nghệ, cụ thể là nghiên cứu về tiếng lóng, vấn đề lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ của nhóm xã hội giới trẻ.

- Về phương diện thực tiễn: khảo sát phạm vi và thực trạng sử dụng tiếng lóng trong đời sống xã hội của học sinh, sinh viên nhằm góp phần xây dựng, cập nhật chuẩn tiếng Việt trong giai đoạn mới, thực hiện chính sách giáo dục ngôn ngữ, đặc biệt là giáo dục cho giới trẻ học sinh sinh viên và định hướng thái độ ngôn

ngữ chung của cộng đồng.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án tập trung giải quyết những nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau:

- Thống kê và miêu tả một số tiếng lóng thường dùng của học sinh, sinh viên người Việt hiện nay qua phương tiện truyền thông
- Miêu tả, phân tích các từ, ngữ lóng thông qua đặc điểm về ngữ pháp và ngữ nghĩa của chúng.
- Làm rõ những mặt tích cực và tiêu cực trong việc sử dụng Tiếng lóng (slang) của học sinh, sinh viên. Từ đó, nghiên cứu, lí giải mối tương quan giữa các nhân tố xã hội với thái độ ngôn ngữ và sự lựa chọn, sử dụng ngôn ngữ.
- Đề xuất những giải pháp về sử dụng, đánh giá hiện tượng ngôn ngữ giới trẻ trong tiếng Việt hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là giới trẻ: học sinh, sinh viên Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu

+ Qua phương tiện truyền thông-internet, tham gia các diễn đàn này phần đông là giới trẻ nên việc sử dụng tiếng lóng khá phổ biến và có xu hướng ngày càng tăng.

+ Các bạn sinh viên theo học tại trường ĐH Kinh doanh và công nghệ Hà Nội.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong đề tài nghiên cứu của mình, tôi chủ yếu sử dụng các phương pháp sau đây:

- + Phương pháp so sánh đối chiếu
- + Phương pháp thống kê, miêu tả
- + Phương pháp phân loại
- + Phương pháp phân tích tổng hợp.

B. NỘI DUNG

Chương I. Cơ sở lý luận của đề tài

1.1 Khái niệm tiếng "lóng"

Tiếng lóng là một thực tế đầy sinh động mà hầu như bất kỳ ngôn ngữ nào trên thế giới đều có, nó là một khái niệm quen thuộc trong ngôn ngữ học cũng như trong đời sống ngôn ngữ. Đặc biệt đối với những người muốn học một ngôn ngữ của một nền văn hóa khác thì không thể bỏ qua việc nắm vững hệ thống tiếng lóng của ngôn ngữ đó. Vậy tiếng "lóng" được các từ điển định nghĩa ra sao?

“Từ điển Việt Nam” của Ban Tu thư Khai Trí (Sài Gòn, 1971) giải thích: “Thứ tiếng dùng riêng với nhau trong hơn một bọn, một hạng người cùng nghề”. Hay trong “Từ điển tiếng Việt” do Hoàng Phê chủ biên (Hà Nội, 1992) cắt nghĩa: “Cách nói một ngữ riêng trong một tầng lớp hoặc một nhóm người nào đó, nhằm chỉ để cho trong nội bộ hiểu được với nhau mà thôi”.

Từ các định nghĩa trên đây, có thể hiểu rằng: Tiếng lóng là một hình thức phương ngữ xã hội không chính thức của một ngôn ngữ, thường được sử dụng trong giao tiếp thường ngày, bởi một nhóm người. Tiếng lóng ban đầu xuất hiện nhằm mục đích che giấu ý nghĩa diễn đạt theo quy ước chỉ những người nhất định mới hiểu. Tiếng lóng thường không mang ý nghĩa trực

tiếp, nghĩa đen của từ phát ra mà mang ý nghĩa tượng trưng, nghĩa bóng. (Trích trong " Bách khoa toàn thư mở Wikipedia"). Cùng với sự phát triển của ngôn ngữ, tiếng lóng mới cũng xuất hiện khá phổ biến theo thời gian. Tuy nhiên, do tính chất chỉ sử dụng bởi một lượng cá nhân giới hạn nên khi một từ được phổ biến thì sẽ nhanh chóng bị loại bỏ hoặc thay thế bằng một từ lóng khác. Đa số các từ lóng có nguồn gốc và được sử dụng tại một địa phương nhất định, đặc biệt là giữa các miền Bắc, Trung, Nam. Nhiều từ có từ rất lâu đời. Một số từ mới bắt đầu xuất hiện trong vài chục năm trở lại, thậm chí chỉ vài năm.

1.2 Nguồn gốc của tiếng "lóng"

Cùng với sự phát triển của ngôn ngữ, tiếng lóng mới cũng xuất hiện theo thời gian. Tuy nhiên, do tính chất chỉ sử dụng bởi một lượng cá nhân giới hạn nên khi một từ được phổ biến thì sẽ nhanh chóng bị loại bỏ hoặc thay thế bằng một từ lóng khác. Dựa trên tiêu chí nguồn gốc, ta có thể chia vốn từ của tiếng Việt thành hai lớp từ cơ bản: từ thuần Việt và từ vay mượn. Tuy nhiên, ranh giới giữa các lớp từ này là không hoàn toàn rõ ràng. Rất nhiều từ ngoại lai đã gia nhập vào lớp từ thuần bản ngữ, thậm chí người bản địa cũng không nhận biết được, đặc biệt là những từ gốc Hán.

- Nguồn gốc thuần Việt: Theo wikipedia, về mặt nguồn gốc, cơ sở hình thành của lớp từ thuần Việt là các từ gốc Nam Á và TàyThái. Từ thuần Việt có từ rất

lâu đời mà người bản ngữ có thể hiểu được ý nghĩa của chúng mà không gặp bất kỳ cản trở nào. Trong khi đó, tính chất của tiếng lóng được xem như một biệt ngữ xã hội, tức là không phải ai cũng có thể hiểu được. Như vậy để tạo ra nét khu biệt, tiếng lóng phải mang nét nghĩa khác so với nghĩa toàn dân.

+ Ví dụ: Sở Khanh là nhân vật trong Truyện Kiều của Nguyễn Du có tính cách hay đi gạ gẫm, lừa gạt phụ nữ. Ngày nay từ "sở khanh" cũng là từ dùng để tả những người có đặc điểm tương tự. Hay gần gũi hơn, trong cuộc sống hiện đại ngày nay, giới trẻ dùng các từ lóng như “gà mờ”, “bánh bèo”, “bão”. Từ “gà mờ” nghĩa gốc chỉ con gà bị tật ở mắt, nhưng giới trẻ hay còn dùng để chỉ những người kém hiểu biết trong một lĩnh vực nhất định. Từ “bánh bèo” nghĩa gốc chỉ một loại bánh đặc sản của xứ Huế, nhưng nghĩa từ lóng của nó lại để chỉ một cô nàng luôn yếu điệu và nhảm chán. Từ “bão” chỉ một hiện tượng thiên tai của tự nhiên thì nay lại được giới trẻ sử dụng để chỉ những cuộc ăn mừng lớn bằng cùng nhau xuống đường hoà mình vào dòng xe tấp nập.

- Nguồn gốc vay mượn: Nguyên nhân chính của sự hình thành nguồn gốc vay mượn từ lóng này đó chính là hiện tượng toàn cầu hóa đang là vấn đề thời sự không chỉ riêng của quốc gia nào. Toàn cầu hóa tác động đến mọi mặt của đời sống. Ngôn ngữ cũng không phải trường hợp ngoại lệ. Cụ thể hơn, những từ lóng gốc Ấn - Âu có nguồn gốc từ tiếng Pháp và tiếng Anh chiếm 1 tỉ lệ tương

đổi lớn khoảng 12 %, lớp từ gốc Hán là 4,6. Sở dĩ tiếng Anh trên các văn bản báo chí trở thành lớp từ vay mượn chiếm tỉ lệ lớn là vì hiện nay tiếng Anh được sử dụng phổ biến như một ngôn ngữ quốc tế trên toàn thế giới, việc dạy học và sử dụng tiếng Anh cũng đang rất phổ biến ở Việt Nam.

+ Ví dụ: “ Gato” trong tiếng Pháp được viết là “Gâteau”, nghĩa gốc chỉ chiếc bánh sinh nhật. Nhưng khi được sử dụng với ý nghĩa của một từ lóng, “Gato” thực chất là từ viết tắt của “ghen ăn tức ở”, mang ý nghĩa ghen tị đến bực bội với ai đó. Trong cụm từ “ Chạy xô”, chữ “ xô ” trong tiếng Anh là “ show ”, nghĩa gốc chỉ một buổi trình diễn. Nếu từ “ xô” đứng một mình thì sẽ không thể mang nghĩa của từ lóng nhưng khi ghép thành cụm “ chạy xô”, nó lại mang nghĩa làm nhiều việc cùng một lúc.

Đối với từ lóng gốc Hán, ta có một số từ Hán Việt sau : Từ “ Phi công nghĩa gốc chỉ người lái, điều khiển máy bay hoặc thiết bị bay bằng lực đẩy động cơ. Nhưng khi là từ lóng, nó lại mang nghĩa khác hoàn toàn chỉ những bạn nam giới yêu bạn nữ giới lớn tuổi hơn mình. Hay từ “ vệ tinh” chỉ các vật thể bay bên ngoài không gian dùng cho các mục đích viễn thông nhưng khi là từ lóng nó lại mang nghĩa là có nhiều người để ý, theo đuổi.

Hiện nay trong tiếng Việt đang có xu thế thay các từ vay mượn chỉ những sự vật, hiện tượng thông thường trong cuộc sống bằng những từ thuần Việt hoặc đã

được Việt hóa. Báo chí nói riêng, phương tiện truyền thông nói chung là phương tiện phản ánh thực tế, sinh động các bước chuyển mình trong ngôn ngữ sinh hoạt. Việc vay mượn từ vựng trên báo chí cũng là vấn đề vay mượn trong đời sống thực tại. Khác với việc vay mượn thông thường có tính chất khoa học là quá trình vay mượn có ý thức thì tiếng lóng trên các phương tiện truyền thông ban đầu là hình thức khẩu ngữ, rồi đi vào báo chí hoặc các phương tiện khác. Một lý do khác khiến giới trẻ nói riêng và người Việt nói chung sử dụng từ lóng theo phương thức vay mượn là do tác động các yếu tố văn hóa, lịch sử, xã hội.

1.3 Một số đặc điểm và quá trình phát triển của tiếng lóng.

a. Một số đặc điểm của tiếng "lóng"

- Tiếng lóng là một phương ngữ xã hội (vì chúng do các nhóm xã hội tạo ra, chủ yếu được sử dụng trong nhóm xã hội ấy; sự thay đổi của chúng phụ thuộc vào bối cảnh xã hội).
- Tiếng lóng chỉ được dùng trong giao tiếp không nghi thức và có giá trị trong một phạm vi xã hội hạn hẹp.
- Tiếng lóng có tính chất lâm thời, chúng là một hiện tượng ký sinh vào tiếng Việt, xuất hiện và mất đi, thay đổi thường xuyên, không ngừng, mang tính trào lưu.

Thông thường, tiếng lóng chỉ được sử dụng dưới dạng văn nói, chứ ít khi được

sử dụng vào văn viết, đặc biệt là trong ngôn ngữ văn bản trang trọng thì thường người ta hạn chế dùng tiếng lóng.

b. Quá trình phát triển của tiếng "lóng"

Tiếng lóng ra đời và phát triển như một phương tiện giao tiếp có tính khu biệt, tiếng lóng nói chung thường xuất hiện khi có nhiều tầng lớp xã hội hay những nơi có nhiều dân nhập cư - nguồn gốc của nhiều vấn đề xã hội phức tạp. Nó được xem như “mặt khẩu chung” của các nội dung thông tin đã được “mã hoá” giữa những đối tượng cùng một nhóm xã hội. Dần dần, tùy từng trường hợp, những tiếng lóng có thể mất dần hoặc ngược lại, nó lại thâm nhập sâu rộng hơn vào ngôn ngữ chung của xã hội. Những từ như “ phao”(tài liệu để gian lận trong thi cử), “ bóc lịch ”(đi tù), “ tach”(không làm được bài hay không vượt qua kỳ thi), “sách ba xu” (sách có nội dung đơn giản , nghèo nàn , rẻ tiền), “thượng đế”(khách hàng), “cò môi” (chỉ những người chuyên dẫn dắt người khác vào các trò bịp bợm, lừa đảo).vv.... Có những khi các từ ngữ trong ngôn ngữ chính thống lại trở thành tiếng lóng do những đặc thù về ngữ nghĩa có tính thời sự hay trớ trêu. Tiếng lóng là một hiện tượng tự nhiên, vì vậy không thể lực nào có thể điều khiển hay áp đặt được pháp luật với nó. Tiếng lóng thường đi liền với nhóm xã hội cụ thể. Nói cách khác, sự tồn tại và phát triển của tiếng lóng bao giờ cũng gắn liền với sự tồn tại và phát triển của nhóm xã hội đã sản sinh ra

chúng, sử dụng chúng. Nói chung, mỗi nhóm xã hội với mục đích bảo vệ, giữ bí mật thông tin đã cố gắng tạo ra cho mình một thứ ngôn ngữ, đó là tiếng lóng.

Nhờ đó, trong mỗi loại tiếng lóng đều chứa đựng đặc trưng ngôn ngữ văn hóa của nhóm xã hội đó: Nhóm xã hội nào thì sử dụng thứ tiếng lóng đặc trưng văn hóa xã hội của nhóm xã hội đó. Cần chú ý rằng ngữ liệu khảo sát được là từ các phương tiện truyền thông đại chúng. Ngôn ngữ khi xuất hiện ở kênh giao tiếp này tất thấy đều trải qua những quá trình biên tập, soạn thảo, câu văn có phần trau chuốt hơn, những từ ngữ quá thô tục cũng vì vậy mà được hạn chế.

Hơn nữa, đối tượng sử dụng và tiếp nhận thông tin từ các phương tiện truyền thông chủ yếu là giới trẻ. Đó chính là lý do để từ lóng của giới học sinh – sinh viên phổ biến, chiếm tỉ lệ gần như tuyệt đối trong kết quả khảo sát. Những từ lóng khảo sát được hầu như xoay quanh các chủ đề như: học hành, thi cử, kiểm tra; đánh giá về trí tuệ, tính tình; tình bạn, tình yêu lứa tuổi học trò...

1.4 Tiểu kết

Từ những nhận định trên có thể nhận thấy tiếng lóng có một số vấn đề nổi lên như sau:

- Tiếng lóng là biến thể của ngôn ngữ học xã hội, là một tiểu loại của biệt ngữ và khác với từ nghề nghiệp. Chính vì thế, cần phân biệt tiếng lóng, tiếng nghề nghiệp và biệt ngữ.

- Tiếng lóng chỉ dùng trong giao tiếp không chính thức và dùng trong phạm vi xã hội hẹp. Vậy một sự nhận định về giao tiếp bằng tiếng lóng trong quan hệ với giao tiếp văn hoá- ngôn ngữ là hết sức cần thiết.
- Các từ ngữ lóng được cấu tạo từ ba nguồn chính :
 - + Nguồn từ ngữ ngữ văn vốn có được cấp thêm nghĩa mới ;
 - + Nguồn cấu tạo từ ngữ mới bằng các chất liệu của tiếng Việt (yếu tố và mô hình cấu tạo) ;
 - + Do vay mượn nước ngoài.
- Tiếng lóng tồn tại, nói chung, mang tính lâm thời, chúng có thể xuất hiện nhanh chóng và mất đi cũng nhanh chóng. Tuy nhiên, trong số đó cũng có những từ ngữ lóng được chuyển dần sang từ ngữ văn học và trở thành yếu tố của vốn từ vựng chung.

Chương II. Đặc điểm tiếng "lóng" của giới trẻ trên mạng xã hội.

2.1 Đặc điểm cấu tạo:

Tiếng lóng thay đổi thường xuyên, phụ thuộc vào 2 nhân tố:

- Sự thay đổi của môi trường, hoàn cảnh xã hội và tầng lớp sản sinh ra nó.
- Bản chất của tiếng lóng là muốn bí mật, che giấu mục đích nào đó nên khi các bí mật bị phát hiện thì cơ sở tồn tại của tiếng lóng cũng bị mất.

* Cấu tạo tiếng lóng: Tiếng lóng thường được cấu tạo như sau:

- Số lớn là dùng từ ngữ toàn dân với nghĩa khác.

VD: Đổ - “bằng lòng”, cưa - “Tán gái”

- Sử dụng những từ không độc lập, trong ngôn ngữ toàn dân nghĩa của chúng bị lu mờ.

VD: nhẫu - “nhanh”, nghếch - “ngốc” ...

- Dùng các từ Hán Việt sử dụng hạn chế trong ngôn ngữ toàn dân.

VD: Bách - “trăm”, thiên - “nghìn” ...

- Biến đổi vỏ ngữ âm của các từ toàn dân

VD: xế - “xe” ...

- Mượn từ nước ngoài.

VD: phe - “buôn bán”, sin - “tiền” ...

- Phục hồi 1 số tiếng lóng cũ.

VD: mông - “gái điếm” ...

2.2 Đặc điểm ngữ nghĩa

Nghĩa của từ là một phức thể hoàn chỉnh, phản ánh ngoại diên và nội hàm của sự vật. Nói cách khác, nghĩa của từ là phần nội dung mà từ biểu thị dưới lớp vỏ âm thanh. Từ bao gồm nhiều nghĩa: nghĩa biểu vật, nghĩa biểu niệm, nghĩa biểu cảm và nghĩa ngữ pháp. Thực tế xã hội cho thấy, ngày càng có nhiều sự vật cần được định danh. Tuy nhiên, vỏ ngữ âm mới xuất hiện thì lại không đầy đủ và phổ biến. Do vậy, ngoài cách vay mượn, từ vựng tự cho mình cách phát triển vốn từ bằng cách dùng vỏ ngữ âm của từ đã có. Đó là hiện tượng chuyển nghĩa của từ.

2.3 Một số giải pháp khắc phục

- Các bạn trẻ cần có ý thức sử dụng tiếng lóng đúng nơi, đúng chỗ, đúng cách để tránh làm giảm tính chuẩn mực trong việc sử dụng ngôn ngữ.
- Để giảm mặt tiêu cực của tiếng lóng, rất cần sự vào cuộc của toàn xã hội, từ phương tiện truyền thông đại chúng đến gia đình, nhà trường, tất cả đều có trách nhiệm giáo dục, giúp giới trẻ nhận thức rõ sự cần thiết của việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp đúng mực.
- Cần tuyên truyền cho các bạn những giá trị tốt đẹp của tiếng Việt từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm, bỏ ảo vệ, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Tạo thêm nhiều cơ hội, cũng như khích lệ tinh thần học hỏi nói và làm theo lời hay ý đẹp.
- Cuối cùng, cần có những sự khảo sát, thống kê, tiến hành những nghiên cứu toàn diện, sâu sắc về thực tiễn đời sống ngôn ngữ trong giới trẻ, kịp thời có những phản biện nhằm chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc trong đời sống ngôn ngữ.

2.4 Tiểu kết

Thực chất, tiếng lóng không phải là hiện tượng sai trái. Nó làm giao tiếp trở nên sinh động và thú vị hơn. Ngôn ngữ cũng thêm giàu đẹp hơn nhờ tiếng lóng. Để tránh những ảnh hưởng tiêu cực không đáng có của việc sử dụng tiếng lóng, ta cần biết lựa chọn sử dụng chúng trong những hoàn cảnh phù hợp và với đối

tượng thích hợp. Ví dụ, chúng ta chỉ nên sử dụng tiếng lóng trong cuộc trò chuyện vui với những người thân thiết, với bạn bè. Không nên sử dụng tiếng lóng với người lớn tuổi hơn. Họ có thể sẽ không hiểu được và cảm thấy bị thiếu tôn trọng.

Tiếng lóng nhìn nhận dưới góc độ khoa học thì đó là quá trình phát triển tự nhiên không chỉ của ngôn ngữ mà còn của hệ thống chuẩn mực xã hội. Việc sử dụng tiếng lóng không phải là hiện tượng mới trong xã hội, nhưng chưa bao giờ tiếng lóng bị lạm dụng nhiều như hiện nay. Và đã đến lúc cần định hướng cho giới trẻ trong việc sử dụng ngôn ngữ và tránh lạm dụng tiếng lóng trong giao tiếp trong nhà trường và cả trong giao tiếp hàng ngày.

C. KẾT LUẬN

Từ quá trình nghiên cứu về giá trị tích cực và ảnh hưởng tiêu cực của phương ngữ xã hội nhìn từ hiện tượng tiếng lóng trong thời gian gần đây, có thể đưa ra một số kết luận sau :

- Thứ nhất, tiếng lóng là một dạng của phương ngữ xã hội - một dạng biến đổi của ngôn ngữ. Tiếng lóng được sử dụng phổ biến trong thời gian hiện nay, đặc biệt trong giới trẻ. Tiếng lóng có đặc trưng riêng và đa dạng nguồn gốc.
- Thứ hai, tiếng lóng cũng như bất kì hiện tượng, sự việc nào cũng đều có hai mặt tích cực và tiêu cực. Tiếng lóng giúp con người biểu đạt suy nghĩ, cảm xúc của mình một cách sinh động và phong phú Tiếng lóng giúp thể hiện cá tính nêng của cộng đồng sử dụng nó, dễ thấy nhất chính là cộng đồng những người trẻ. Bên cạnh đó, nếu tiếng lóng bị lạm dụng quá nhiều và sử dụng sai hoàn cảnh, nó sẽ gây những tác hại khôn lường. Tiếng lóng có thể làm ảnh hưởng từ sự hiệu quả của một cuộc giao tiếp giữa người với người cho tới một nền văn hóa ngôn ngữ của một quốc gia.
- Thứ ba, tiếng lóng không phải là một hiện tượng xấu. Điều đáng quan tâm ở đây chính là cách sử dụng tiếng lóng nói riêng, hay phương ngữ xã hội nói chung của mỗi người. Người dùng cần xem xét đối tượng giao tiếp của mình là ai và cuộc trò chuyện đang diễn ra trong hoàn cảnh như thế nào.

D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1.<https://khotrithucso.com/doc/p/tieng-long-trong-sinh-vien-276994>
- 2.<https://clef.vn/vi/goc-ngon-ngu/van-hoa-ngon-ngu-va-van-de-giaoduc-ngon-ngu-van-hoa-trong-gioi-tre-hien-nay.html>
- 3.<https://text.xemtailieu.net/tai-lieu/khoa-luan-tieng-long-tren-cacphuong-tien-truyen-thong-hien-nay-185282.html>
4. Tiếng lóng Việt Nam của Nguyễn Văn Khang (2002).
5. Sổ tay từ - ngữ lóng tiếng Việt" của Đoàn Tử Huyền-Lê Thị Yến.